

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận sinh viên trúng tuyển đợt 3

Đào tạo trình độ Cao đẳng (chính qui), niên khoá 2023 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/01/2007 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng nghề An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-CĐN, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng nghề An Giang;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc ban hành quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc ban hành quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh đào tạo giáo dục nghề nghiệp năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-CĐN ngày 08/02/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề An Giang về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy của Trường Cao đẳng nghề An Giang năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1269/QĐ-CĐN ngày 27/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề An Giang về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2023;

Căn cứ kết quả biên bản xét tuyển sinh số 1928/BBXT-CDN, ngày 22/9/2023 của Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng nghề An Giang về việc xét tuyển sinh đào tạo trình độ Cao đẳng (chính qui), Niên khoá 2023 – 2026;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách trúng tuyển trình độ đào tạo Cao đẳng đợt 3 năm 2023 là 124 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học, phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Tài chính - Kế toán, phòng Công tác HSSV – QHDN - HTQT, các Khoa và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB&XH;
- UBND Tỉnh;
- Sở LĐTB&XH;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, P. ĐTNCKH.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Hải

BIÊN BẢN XÉT TUYỂN ĐỢT 3

Đào tạo trình độ Cao đẳng (chính qui) Niên khóa 2023 – 2026

Thời gian: Lúc 08 giờ ngày 21/9/2023.

Địa điểm: Trường Cao đẳng nghề An Giang.

Thành phần xét tuyển

- | | |
|---|-----------------|
| 1. Ông Nguyễn Thanh Hải, Hiệu trưởng | Chủ tịch HĐ; |
| 2. Ông Nguyễn Ngọc Minh, Phó Hiệu trưởng | Phó CTHĐ; |
| 3. Ông Nguyễn Hùng Cường, Phó Hiệu trưởng | Phó CTHĐ; |
| 4. Ông Lê Việt Phương, Phó Hiệu trưởng | Phó CTHĐ; |
| 5. Ông Nguyễn Thành Sang, TP. Đào tạo-NCKH | UV thường trực; |
| 6. Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh, TP. Khảo thí - ĐBCL | Ủy viên; |
| 7. Bà Đinh Thu Hà, TP. TC-HC | Ủy viên; |
| 8. Bà Nguyễn Thị Hương Giang, PTP. TC-KT | Ủy viên; |
| 9. Ông Đỗ Tùng Sang, TP. QT-TB | Ủy viên; |
| 10. Ông Phạm Quốc Cường, TP. CTHSSV-QHDN-HTQT | Ủy viên; |
| 11. Ông Trần Chí Độ, Trưởng khoa SPGDNN | Ủy viên; |
| 12. Ông Nguyễn Cao Triết, TK. Kinh tế-DL-CNTT | Ủy viên; |
| 13. Ông Ngô Văn Hảo, Trưởng khoa Cơ khí | Ủy viên; |
| 14. Ông Nguyễn Thế Thắng, PTK. Xây dựng | Ủy viên; |
| 15. Ông Huỳnh Thanh Sang, TK. CNTT | Ủy viên. |

Chủ trì: Ông Nguyễn Thanh Hải

Thư ký: Ông Nguyễn Thành Sang

Nội dung

1. Chỉ tiêu được giao: 845 học sinh (đã trúng tuyển đợt 1: 82 sinh viên; đợt 2: 457 sinh viên).

2. Số lượng thí sinh đăng ký dự xét tuyển tính đến ngày 20/09/2023.

STT	Tên nghề	Đăng ký TN. THPT	Ghi chú
1	Cắt gọt kim loại	4	
2	CN. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3	
3	Cơ điện tử	4	
4	Cơ khí xây dựng	3	
5	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	3	
6	Điện công nghiệp	8	
7	Kế toán doanh nghiệp	34	
8	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	6	
9	Kỹ thuật xây dựng	3	
10	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6	
11	Lập trình máy tính	8	
12	May thời trang	9	
13	Quản trị du lịch MICE	6	
14	Quản trị mạng máy tính	10	
15	Quản trị nhà hàng	17	
Tổng cộng		124	

3. Số thí sinh có hồ sơ hợp lệ đủ điều kiện xét tuyển

STT	Tên nghề	Đăng ký TN. THPT	Ghi chú
1	Cắt gọt kim loại	4	
2	CN. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3	
3	Cơ điện tử	4	
4	Cơ khí xây dựng	3	
5	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	3	
6	Điện công nghiệp	8	
7	Kế toán doanh nghiệp	34	
8	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	6	
9	Kỹ thuật xây dựng	3	
10	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6	
11	Lập trình máy tính	8	
12	May thời trang	9	
13	Quản trị du lịch MICE	6	
14	Quản trị mạng máy tính	10	
15	Quản trị nhà hàng	17	
Tổng cộng		124	

4. Điều kiện xét tuyển trình độ Cao đẳng

- a) Tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT, TCCN, TCN.
- b) Tổng điểm của điểm tổng kết năm học lớp 12 của 3 môn Toán – Lý – Hoá.
- c) Đã nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo đúng mẫu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- d) Đủ hồ sơ xét tuyển theo qui định.
- e) Tuổi từ 18 trở lên.
- f) Điểm chuẩn xét tuyển:

- Nhóm ngành, nghề lĩnh vực kỹ thuật xét tuyển dựa trên tổng số điểm của 3 môn: Toán, Lý và Anh của năm cuối cấp.

- Nhóm ngành, nghề lĩnh vực kinh tế và dịch vụ xét tuyển dựa trên tổng số điểm của 3 môn: Toán, Văn và Anh của năm cuối cấp.

STT	Tên nghề	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	Cắt gọt kim loại	4	
2	CN. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3	
3	Cơ điện tử	4	
4	Cơ khí xây dựng	3	
5	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	3	
6	Điện công nghiệp	8	
7	Kế toán doanh nghiệp	34	
8	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	6	
9	Kỹ thuật xây dựng	3	
10	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6	
11	Lập trình máy tính	8	
12	May thời trang	9	
13	Quản trị du lịch MICE	6	
14	Quản trị mạng máy tính	10	
15	Quản trị nhà hàng	17	
Tổng cộng		124	

5. Qua điều kiện xét tuyển. Hội đồng thống nhất xét trúng tuyển

STT	Tên nghề	Trúng tuyển TN. THPT	Ghi chú
1	Cắt gọt kim loại	4	
2	CN. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3	
3	Cơ điện tử	4	
4	Cơ khí xây dựng	3	
5	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	3	

STT	Tên nghề	Trúng tuyển TN. THPT	Ghi chú
6	Điện công nghiệp	8	
7	Kế toán doanh nghiệp	34	
8	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	6	
9	Kỹ thuật xây dựng	3	
10	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6	
11	Lập trình máy tính	8	
12	Máy thời trang	9	
13	Quản trị du lịch MICE	6	
14	Quản trị mạng máy tính	10	
15	Quản trị nhà hàng	17	
Tổng cộng		124	

Tổng cộng có **124** sinh viên trúng tuyển đợt 2 đào tạo trình độ Cao đẳng tại trường Cao đẳng nghề An Giang.

Đến hết ngày 06/10/2023 nếu sinh viên không hoàn tất thủ tục nhập học, nhà trường xóa tên khỏi danh sách trúng tuyển.

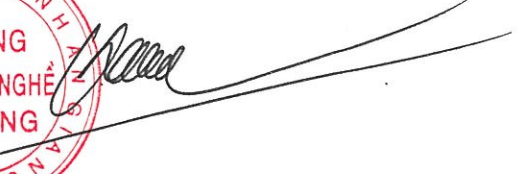
Biên bản kết thúc lúc 11 giờ ngày 22/9/2023./.

Thư ký HĐ



Nguyễn Thành Sang

Chủ Tịch HĐTS

Nguyễn Thanh Hải

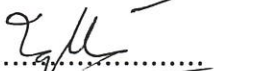
CÁC THÀNH VIÊN

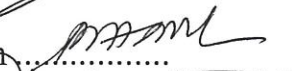
Ông Nguyễn Ngọc Minh 

Ông Nguyễn Hùng Cường 

Ông Lê Việt Phương 

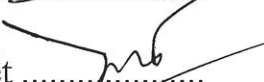
Bà Đinh Thu Hà 

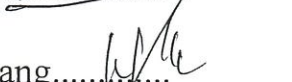
Ông Ngô Văn Hào 

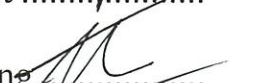
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh 

Ông Đỗ Tùng Sang 

Ông Trần Chí Độ 

Ông Nguyễn Cao Triết 

Bà Nguyễn Thị Hương Giang 

Ông Nguyễn Thế Thắng 

Ông Huỳnh Thanh Sang 

Ông Phạm Quốc Cường 

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NĂM 2023 - ĐỢT 3
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Kèm theo quyết định số 1929/QĐ-CDN ngày 22 tháng 9 năm 2023)

STT	Họ & tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
1	Võ Thành An	21/01/2005	Nam	Kinh	234,Lạc Long Quân, Khóm Long Thạnh C, Phường Long Hưng, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	Cắt gọt kim loại	7.0	9.0	7.7	23.7	2023	TT	
2	Lê Phước Hưng	20/03/2005	Nam	Kinh	Vĩnh Phụng, Xã Vĩnh Trinh, Huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ	Cắt gọt kim loại	6.6	5.1	5.1	16.8	2023	TT	
3	Lê Văn Tuấn	27/11/2005	Nam	Kinh	Thới Bình, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ	Cắt gọt kim loại	8.5	8.2	6.6	23.3	2023	TT	
4	Lê Long Vũ	21/07/2002	Nam	Kinh	Phú Bình, Xã Phú An, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Cắt gọt kim loại	6.2	6.5	7.6	20.3	2020	TT	
5	Nguyễn Văn Cue	01/10/2005	Nam	Kinh	617, 4, Xã Long Giang, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	CN. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7.7	8.7	7.4	23.8	2023	TT	
6	Huỳnh Thanh Hào	06/11/2005	Nam	Kinh	Hòa Hạ, Xã Kiến An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	CN. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6.0	7.7	8.4	22.1	2023	TT	
7	Võ Nguyễn Minh Nhật	08/12/2003	Nam	Kinh	KV Thới Hòa 1, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ	CN. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	8.1	6.1	6.5	20.7	2023	TT	
8	Chau Som Nang	15/10/2004	Nam	Khmer	Sóc Triết, Thị trấn Cô Tô, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Cơ điện tử	6.9	5.1	5.9	17.9	2023	TT	
9	Phạm Hồng Thái	29/08/2005	Nam	Kinh	Phú Trung, Xã Phú Thành, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Cơ điện tử	8.5	8.9	6.9	24.3	2023	TT	
10	Nguyễn Quốc Thái	30/01/2005	Nam	Kinh	Mỹ An 2, Xã Mỹ Hoà Hưng, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Cơ điện tử	8.0	6.8	6.1	20.9	2023	TT	
11	Đinh Thị Cẩm Thu	13/09/2005	Nữ	Kinh	405, Kiến Hưng I, Xã Kiến Thành, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Cơ điện tử	5.8	7.7	6.9	20.4	2023	TT	
12	Phạm Trung Hậu	28/02/2005	Nam	Kinh	Long Quới A, Phường Long Phú, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	Cơ khí xây dựng	7.5	7.6	7.8	22.9	2023	TT	
13	Nguyễn Trần Phú	24/09/2002	Nam	Kinh	Bắc Thạnh, Xã Thoại Giang, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Cơ khí xây dựng	7.0	8.7	6.3	22.0	2020	TT	
14	Châu Rát Sa	03/03/2005	Nam	Khmer	Ấp Tân Hiệp, Xã Tân Lợi, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Cơ khí xây dựng	7.6	7.5	7.6	22.7	2023	TT	
15	Phạm Đăng Khoa	20/03/2005	Nam	Kinh	1357/68, Bình Đức 1, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	7.0	5.9	5.7	18.6	2023	TT	
16	Trương Thị Xuân Kiều	17/01/1995	Nữ	Kinh	Tổ 10, Mỹ Hiệp, Xã Mỹ Hòa Hưng, Thành phố Long Xuyên, An Giang	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	8.0	7.6	5.7	21.3	2013	TT	
17	Bùi Thị Bích Trâm	10/11/2003	Nữ	Kinh	số nhà 318, ấp Phú Lộc, Xã Phú Thạnh, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	7.4	6.3	7.6	21.3	2021	TT	
18	Trương Quốc Bảo	08/08/2005	Nam	Kinh	638/16, Đông Phú, Phường Đông Xuyên, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7.3	6.3	4.6	18.2	2023	TT	

STT	Họ & tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
19	Võ Thành	Đạt	23/11/2005	Nam	Kinh	Long Phước, Xã Ô Long Vỹ, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	5.8	6.3	5.1	17.2	2023	TT	
20	Nguyễn Khắc	Huy	19/11/2005	Nam	Kinh	Hòa Phát, Xã Phú Hiệp, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	8.8	7.8	7.8	24.4	2023	TT	
21	Hồ Nhựt	Khang	20/11/2001	Nam	Kinh	Mỹ Thành, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	6.0	6.1	6.9	19.0	2019	TT	
22	Trịnh Minh	Khoa	16/07/2005	Nam	Kinh	Ấp Bình Lộc, Xã Bình Chánh, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	8.0	8.5	7.1	23.6	2023	TT	
23	Nguyễn Minh	Luân	07/02/2005	Nam	Kinh	Tổ 6, Bình Hòa 1, Xã Mỹ Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7.0	6.4	3.8	17.2	2023	TT	
24	Cù Công	Tử	10/10/2001	Nam	Kinh	Bình An, Xã Bình Phú, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7.7	8.0	7.4	23.1	2022	TT	
25	Nguyễn Phước	Tường	28/10/2003	Nam	Kinh	1066/54, Bình Khánh 5, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7.3	6.5	5.5	19.3	2022	TT	
26	Võ Ngọc Duy	An	13/10/2005	Nữ	Kinh	124/3, Tây Khóm 8, Phường Mỹ Hòa, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.2	6.0	7.3	20.5	2023	TT	
27	Phạm Kim	Anh	28/04/2005	Nữ	Kinh	416/12 Đường Hà Hoàng Hồ, Khóm 4, Phường Mỹ Hòa, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	5.6	3.8	4.4	13.8	2023	TT	
28	Lý Thị Thu	Châu	01/11/2002	Nữ	Kinh	An Hòa, Thị trấn Ba Chúc, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.4	7.5	6.5	21.4	2020	TT	
29	Trần Quốc	Dương	22/02/2004	Nam	Kinh	Long Thạnh 1, Xã Long Giang, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.3	5.3	5.6	17.2	2022	TT	
30	Nguyễn Phùng Gia	Hân	21/11/2005	Nữ	Kinh	Ấp Hiệp Thành, Xã Mỹ Hiệp Sơn, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.0	6.7	6.1	20.8	2023	TT	
31	Trịnh Như	Huỳnh	01/06/2005	Nữ	Kinh	Vĩnh Tây , Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.2	7.7	5.6	20.5	2023	TT	
32	Nguyễn Ngọc Kim	Khánh	15/05/2005	Nữ	Kinh	Kiến An, Xã Nhơn Mỹ, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.4	7.4	9.0	23.8	2023	TT	
33	Lâm Tiến	Lợi	25/07/2005	Nam	Kinh	41/9, Tây Thạnh, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.8	6.7	5.6	20.1	2023	TT	
34	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	28/08/2005	Nữ	Kinh	18/19, Thới Thạnh, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.0	8.2	7.9	24.1	2023	TT	
35	Trần Thị Tịnh	Nghi	25/02/2005	Nữ	Kinh	Cầu Trường A, Hưng Mỹ, Xã Phú Hưng, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.8	8.4	7.4	23.6	2023	TT	
36	Trần Nguyễn Trọng	Nhân	16/11/2005	Nam	Kinh	74, Hòa Phú I, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	5.8	5.7	5.7	17.2	2023	TT	
37	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	14/05/2004	Nữ	Kinh	242/9, Tây Huề 3, Phường Mỹ Hòa, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.1	7.2	6.2	21.5	2022	TT	
38	Võ Thị	Nhiều	15/10/2005	Nữ	Kinh	Cần Thuận, Xã Cần Đăng, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.7	6.8	5.2	18.7	2023	TT	
39	Phan Thị Huỳnh	Như	17/11/2005	Nữ	Kinh	24, Ấp Hoà Thịnh , Xã Hòa Bình Thạnh, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.0	7.5	5.0	19.5	2023	TT	
40	Huỳnh Hồng	Phượng	09/02/2004	Nữ	Kinh	Vĩnh Quới, Xã Vĩnh An, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.1	7.4	6.1	20.6	2022	TT	

STT	Họ & tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
41	Nguyễn Trần Hồng Quân	15/09/2005	Nam	Kinh	Sa Tô, Xã Khánh Bình, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.9	6.3	5.2	18.4	2023	TT	
42	Dương Thị Cẩm Quyên	05/07/2005	Nữ	Kinh	Mỹ Trung B, Xã Mỹ Thuận, Huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long	Kế toán doanh nghiệp	8.2	8.5	8.0	24.7	2023	TT	
43	Nguyễn Thị Trúc Quyên	15/02/2005	Nữ	Kinh	Hiệp Trung, Xã Hiệp Xương, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.8	8.1	6.9	22.8	2023	TT	
44	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	05/10/2004	Nữ	Kinh	Giồng cát , Xã Lương An Trà, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.1	8.0	5.6	20.7	2022	TT	
45	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	02/02/2005	Nữ	Kinh	489, Hưng Thới 2, Xã Phú Hưng, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.2	8.5	6.8	22.5	2023	TT	
46	Trần Nguyệt Anh Thư	12/09/2005	Nữ	Kinh	Nguyễn Thị Hạnh, Tân Hiệp A, Thị trấn Óc Eo, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.6	6.7	6.2	20.5	2023	TT	
47	Huỳnh Ngọc Anh Thư	01/04/2005	Nữ	Kinh	332, Bình Lợi, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	Kế toán doanh nghiệp	6.1	7.3	6.5	19.9	2023	TT	
48	Nguyễn Trọng Thúc	28/11/2004	Nam	Kinh	104, Phú hữu, Xã Định Mỹ, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.1	5.6	7.7	20.4	2023	TT	
49	Dương Thị Cẩm Tiên	05/07/2005	Nữ	Kinh	Mỹ Trung B, Xã Mỹ Thuận, Huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long	Kế toán doanh nghiệp	8.5	8.5	8.3	25.3	2023	TT	
50	Nguyễn Ngọc Trân	11/12/2005	Nữ	Kinh	747/40, Bình Đức 4, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.6	8.9	6.9	23.4	2023	TT	
51	Trần Nguyệt Minh Thư	12/09/2005	Nữ	Kinh	Nguyễn Thị Hạnh, Tân Hiệp A, Thị trấn Óc Eo, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.2	5.2	6.6	19.0	2023	TT	
52	Nguyễn Thị Bảo Trân	01/10/2005	Nữ	Kinh	Tổ 9, Tây Khánh 5, Phường Mỹ Hòa, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.1	7.1	6.8	20.0	2023	TT	
53	Bùi Thị Ái Trinh	07/05/2005	Nữ	Kinh	Long Thuận I, Xã Long Điền A, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.9	7.9	7.9	22.7	2023	TT	
54	Hồ Nhật Tú Trinh	22/07/2005	Nam	Kinh	Cần Thới, Xã Cần Đăng, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	5.2	7.0	5.3	17.5	2023	TT	
55	Lưu Hồng Cẩm Tú	02/03/2005	Nữ	Kinh	179/2, Đông Thịnh 8, Phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.6	7.8	7.0	22.4	2023	TT	
56	Nguyễn Thị Phụng Tường	26/09/2005	Nữ	Kinh	Trung An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.3	8.2	7.2	23.7	2023	TT	
57	Trần Lý Tường	25/05/2005	Nam	Kinh	Bình Hòa, Xã Mỹ Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.6	8.2	6.6	22.4	2023	TT	
58	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/09/2004	Nữ	Kinh	Khóm 7, Phường Châu Phú A, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.8	6.9	6.8	21.5	2022	TT	
59	Võ Thị Phương Vy	30/03/2005	Nữ	Kinh	513/2A, Tây Khánh 3, Phường Mỹ Hòa, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.4	8.2	6.0	21.6	2023	TT	
60	Võ Đăng Khoa	06/09/2005	Nam	Kinh	259, Đông Bình Nhất, Xã Vĩnh Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	7.4	6.0	6.4	19.8	2023	TT	
61	Ngô Thành Minh	29/05/2005	Nam	Kinh	Thới Hòa, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	5.3	4.7	5.4	15.4	2023	TT	
62	Thái Trung Qui	04/10/2005	Nam	Kinh	543, Mỹ Bình, Xã Thạnh Mỹ Tây, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	7.6	7.0	7.0	21.6	2023	TT	

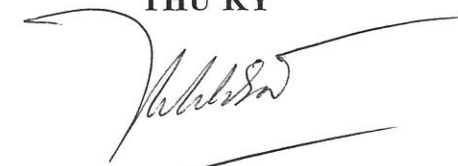
STT	Họ & tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
63	Đặng Hồng Sa	19/12/2005	Nam	Kinh	Số nhà 119, Ấp Phú Quới , Xã Phú Hữu, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	8.2	8.0	8.2	24.4	2023	TT	
64	Nguyễn Nhất Sinh	05/09/2005	Nam	Kinh	1102, Phú nhơn, Xã Phú Hội, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	7.4	7.2	7.5	22.1	2023	TT	
65	Dương Minh Trường	14/01/2005	Nam	Kinh	An Thịnh, Thị trấn An Phú, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính	7.3	7.3	7.4	22.0	2023	TT	
66	Lê Thanh Hùng	08/07/2003	Nam	Kinh	Phú Lộc, Xã Phú Thạnh, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật xây dựng	6.3	7.5	6.3	20.1	2021	TT	
67	Dương Hoàng Thái	09/03/2005	Nam	Kinh	Bình Phú 1, Xã Phú Bình, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật xây dựng	7.3	7.2	6.5	21.0	2023	TT	
68	Trần Chí Vĩ	28/06/2005	Nam	Kinh	538, Long Mỹ 1, Xã Long Giang, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật xây dựng	6.5	6.3	6.1	18.9	2023	TT	
69	Trần Quốc Anh	21/03/2003	Nam	Kinh	Tổ 1, Ấp 1, Xã Mỹ Hoà Hưng, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6.4	7.3	5.5	19.2	2022	TT	
70	Trương Thành Công	20/10/2005	Nam	Kinh	Khóm II, Thị trấn Chi Lăng, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6.5	6.6	5.7	18.8	2023	TT	
71	Mai Văn Tài	09/05/2005	Nam	Kinh	318, An Lạc, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	8.6	8.9	8.1	25.6	2023	TT	
72	Nguyễn Trí Thiện	05/07/2005	Nam	Kinh	476A/14, Bình Yên, Xã Bình Thủy, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	7.3	7.8	4.6	19.7	2023	TT	
73	Phạm Quốc Trọng	01/02/2004	Nam	Kinh	Vĩnh Hiệp 1, Xã Vĩnh Nhuận, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6.7	6.9	6.6	20.2	2022	TT	
74	Lâm Khang Vỹ	04/11/2003	Nam	Kinh	Phú An, Thị trấn Phú Hoà, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Lắp đặt thiết bị cơ khí	6.8	5.5	7.2	19.5	2023	TT	
75	Trịnh Hoài Nam	01/09/2005	Nam	Kinh	Tân Hòa C, Xã Tân An, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	Lập trình máy tính	5.1	6.9	6.6	18.6	2023	TT	
76	Trần Ngọc Kim Ngân	11/11/2005	Nữ	Kinh	477/8B, Tây Khánh 1, Phường Mỹ Hòa, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Lập trình máy tính	7.2	5.7	5.8	18.7	2023	TT	
77	Đoàn Trần Phát	31/05/2005	Nam	Kinh	Tân Phú B, Xã Tân An, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	Lập trình máy tính	5.1	7.2	6.6	18.9	2023	TT	
78	Lâm Đình Phúc	12/11/2004	Nam	Kinh	Cà Lăng, Phường 2, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng	Lập trình máy tính	7.1	6.2	6.7	20.0	2022	TT	
79	Mai Thị Thanh Trúc	07/04/2004	Nữ	Kinh	Đông An, Xã Vĩnh Chánh, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Lập trình máy tính	7.8	7.0	5.2	20.0	2022	TT	
80	Tạ Quốc Tuấn	09/09/2005	Nam	Kinh	Tân Hậu A1, Xã Tân An, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	Lập trình máy tính	5.7	7.5	7.8	21.0	2023	TT	
81	Phan Thanh Tùng	17/12/2005	Nam	Kinh	688 Hà Hoàng Hồ, Đông An 6, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An	Lập trình máy tính	7.0	6.0	7.2	20.2	2023	TT	
82	Phan Chí Vỹ	06/06/2005	Nam	Kinh	số 279, tổ 11/ ấp An Thạnh, Xã Hòa Bình, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Lập trình máy tính	8.6	8.3	4.2	21.1	2023	TT	
83	Lưu Gia Bảo	09/12/2004	Nam	Kinh	Mỹ Phú, Xã Định Mỹ, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	May thời trang	7.2	7.2	6.6	21.0	2022	TT	
84	Ngũ Thị Kim Chi	01/06/2005	Nữ	Kinh	230/4, Trung Thạnh, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	May thời trang	5.9	4.8	4.6	15.3	2023	TT	

STT	Họ & tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
							Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
85	Danh Quách Mỹ Hạnh	22/06/2005	Nữ	Kinh	981/35, Bình Đức 4, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	May thời trang	6.6	6.4	5.7	18.7	2023	TT	
86	Nguyễn Trung Kiên	07/03/2005	Nam	Kinh	145, Long Hoà 1, Xã Long Hoà, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	May thời trang	8.1	7.6	5.7	21.4	2023	TT	
87	Nguyễn Anh Kiệt	16/02/2005	Nam	Kinh	Mỹ Thuận, Xã Mỹ Hoà Hưng, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	May thời trang	8.1	6.7	7.1	21.9	2023	TT	
88	Lê Nguyễn Hoàng Nhân	29/05/2005	Nam	Kinh	193, Kiến Hưng 2, Xã Kiến Thành, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	May thời trang	6.9	7.6	7.7	22.2	2023	TT	
89	Phan Thị Ngọc Nhi	09/03/2005	Nữ	Kinh	528A, Bình Lợi, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	May thời trang	8.2	6.8	7.2	22.2	2023	TT	
90	Trương Thị Ngọc Thơ	17/06/2005	Nữ	Kinh	1394/70, Bình Đức 1, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	May thời trang	6.1	5.9	4.6	16.6	2023	TT	
91	Huỳnh Thanh Thùy	25/11/2005	Nữ	Kinh	3V4, Đông Thịnh 6, Phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	May thời trang	5.9	7.3	5.7	18.9	2023	TT	
92	Trần Thị Huỳnh Giao	20/09/2002	Nữ	Kinh	Bình Thành, Xã Bình Chánh, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Quản trị du lịch MICE	9.8	8.6	7.7	26.1	2020	TT	
93	Lâm Mỹ Hạnh	07/11/2000	Nữ	Kinh	67 Nguyễn Thái Học, Ấp Thị 1, Thị trấn Chợ Mới, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Quản trị du lịch MICE	8.0	7.9	8.8	24.7	2018	TT	
94	Đặng Kim Ngân	09/06/2005	Nữ	Kinh	262, An Thái, Xã Hòa Bình, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Quản trị du lịch MICE	6.4	7.0	6.9	20.3	2023	TT	
95	Nguyễn Thị Kim Thư	21/09/2005	Nữ	Kinh	71, Bắc Sơn, Xã Thoại Giang, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Quản trị du lịch MICE	6.0	6.4	6.8	19.2	2023	TT	
96	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm	20/02/2005	Nữ	Kinh	Văn phòng ấp Vĩnh Hưng, Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh Lộc, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Quản trị du lịch MICE	3.8	7.8	3.4	15.0	2023	TT	
97	Nguyễn Ngọc Yến	16/01/2005	Nữ	Kinh	261, Long Hưng, Xã Long Giang, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Quản trị du lịch MICE	6.8	8.3	7.9	23.0	2023	TT	
98	Nguyễn Hoài An	05/12/2000	Nam	Kinh	Bình Trung, Xã Bình Mỹ, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	6.6	7.2	6.9	20.7	2023	TT	
99	Nguyễn Chí Dĩ	13/09/2005	Nam	Kinh	2376, Phú Trung, Xã Phú Hội, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	8.4	7.9	7.1	23.4	2023	TT	
100	Đặng Thanh Hải	02/09/2004	Nam	Kinh	Tân Lợi, Xã Tân Tuyến, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	5.8	5.1	5.8	16.7	2022	TT	
101	Phạm Nguyên Khang	19/07/2004	Nam	Kinh	khóm 4, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	6.1	6.3	6.2	18.6	2022	TT	
102	Đặng Huỳnh Gia Ngọc	24/07/2005	Nữ	Kinh	Tân Lợi, Xã Tân Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	6.5	5.6	5.8	17.9	2023	TT	
103	Cao Triều Phát	26/03/2005	Nam	Kinh	Tây Khánh 8, Phường Mỹ Hòa, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	7.1	6.0	7.2	20.3	2023	TT	
104	Trịnh Quốc Thắng	22/12/2005	Nam	Kinh	5214, Võ Thị Sáu, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	6.6	7.1	5.1	18.8	2023	TT	
105	Nguyễn Minh Thành	24/05/2004	Nam	Kinh	Hòa Phú 2, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	6.8	5.5	7.0	19.3	2022	TT	
106	Phạm Chí Thiện	16/10/2005	Nam	Kinh	Phú Thạnh, Xã Phú Hữu, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	9.6	9.0	8.1	26.7	2023	TT	

STT	Họ & tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
107	Hồ Lập Quan	Vinh	09/07/2005	Nam	Kinh	619, Bình Trung, Xã Bình Mỹ, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Quản trị mạng máy tính	6.2	7.0	8.2	21.4	2023	TT	
108	Nguyễn Ngọc An	An	28/12/2005	Nữ	Kinh	487, Thoại Ngọc Hầu, Phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	7.5	8.2	7.1	22.8	2023	TT	
109	Lê Ngọc Minh	Anh	26/11/2005	Nữ	Kinh	108/20, Đông An 2, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	8.4	6.7	8.0	23.1	2023	TT	
110	Lê Hoàng Ngọc Anh	Anh	15/09/2005	Nữ	Kinh	Tây Bình C, Xã Vĩnh Chánh, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	6.4	7.0	5.9	19.3	2023	TT	
111	Bùi Thị Lan	Anh	24/09/2005	Nữ	Kinh	Thôn Thu Đông, Xã Xuân Thịnh, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Quản trị nhà hàng	6.8	7.8	4.2	18.8	2023	TT	
112	Hồ Hoà	Bình	28/06/2003	Nam	Kinh	014, Đông An , Xã Vĩnh Chánh, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	7.0	4.8	2.6	14.4	2022	TT	
113	Nguyễn Bùi Anh	Khôi	05/07/2005	Nam	Kinh	513C/26, Bình Thới 2, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	6.5	5.2	8.3	20.0	2023	TT	
114	Huỳnh Lương Thuý Ngân	Ngân	24/05/2005	Nữ	Kinh	184, Ấp An Khánh, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	6.8	7.0	4.6	18.4	2023	TT	
115	Huỳnh Thị Yến	Nhi	15/02/2004	Nữ	Kinh	115, An Thuận, Xã Hội An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	9.4	8.2	8.0	25.6	2022	TT	
116	Nguyễn Thị Trúc	Phương	29/05/2004	Nữ	Kinh	209/2B, Phó Quế, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	7.5	7.9	5.4	20.8	2022	TT	
117	Nguyễn Nhật	Quang	27/08/2005	Nam	Kinh	Ấp Phước Thọ , Xã Đa Phước, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	4.2	6.5	6.4	17.1	2023	TT	
118	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh	05/02/2005	Nữ	Kinh	365D/34, Bình Khánh 4, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An	Quản trị nhà hàng	7.4	6.4	6.9	20.7	2023	TT	
119	Bùi Huỳnh Quý	Thảo	19/12/2004	Nữ	Kinh	Bình Long 2, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	6.7	7.2	7.6	21.5	2023	TT	
120	Thái Thị	Thảo	09/09/2002	Nữ	Kinh	061, Vĩnh Nhuận, Xã Vĩnh Bình, Huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ	Quản trị nhà hàng	6.3	6.8	4.6	17.7	2020	TT	
121	Trương Thị Thu	Thảo	21/07/2005	Nữ	Kinh	Đông Thịnh 3, Phường Mỹ Phước, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	5.4	7.8	3.9	17.1	2023	TT	
122	Trần Đức	Thịnh	13/09/2005	Nam	Kinh	438, Tân Phú, Xã Tân Thạnh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	6.2	7.1	4.3	17.6	2023	TT	
123	Nguyễn Thị Thanh	Thư	30/05/2005	Nữ	Kinh	Đông An, Xã Vĩnh Chánh, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	7.9	6.7	6.4	21.0	2023	TT	
124	Trương Thị Bích	Trâm	26/03/2005	Nữ	Kinh	438, khu vực long thành 2, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ	Quản trị nhà hàng	6.6	7.5	4.8	18.9	2023	TT	

Tổng cộng danh sách có 124 học sinh trúng tuyển.

THƯ KÝ


Nguyễn Thành Sang

An Giang, ngày 22 tháng 9 năm 2023

CHỦ TỊCH HĐQTS



Nguyễn Thanh Hải